MỤC LỤC

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã số biểu mẫu** | **Tên Biểu mẫu** | **Trang** |
| 1 | QT\_061\_CSVC\_BM01 | Biểu mẫu giấy giao việc | 2 |
| 2 | QT\_061\_CSVC\_BM02 | Biểu mẫu Biên bản xác nhận công việc hoàn thành | 44 |
| 3 | QT\_066\_CSVC\_BM01 | Biểu mẫu Biên bản lựa chọn đơn vị cung cấp | 3 |
| 4 | QT\_066\_CSVC\_BM02 | Biểu mẫu Quyết định phê duyệt dự toán | 4 |
| 5 | QT\_066\_CSVC\_BM03 | Biểu mẫu Quyết định lựa chọn đơn vị cung cấp | 7 |
| 6 | QT\_067\_CSVC\_BM01 | Biểu mẫu Quyết định phê duyệt dự toán | 10 |
| 7 | QT\_067\_CSVC\_BM02 | Biểu mẫu Bản yêu cầu báo giá | 13 |
| 8 | QT\_067\_CSVC\_BM03 | Biểu mẫu Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu | 34 |
| 9 | QT\_067\_CSVC\_BM04 | Biểu mẫu Biên bản đánh giá báo giá | 37 |
| 10 | QT\_067\_CSVC\_BM05 | Biểu mẫu Quyết định phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu | 39 |
| 11 | QT\_067\_CSVC\_BM06 | Biểu mẫu Tờ trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (gói thầu thuộc kinh phí khoán, dự án ngoài Học viện) | 45 |
| 12 | QT\_068\_CSVC\_BM01 | Biểu mẫu Tờ trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (gói thầu thuộc kinh phí khoán, dự án ngoài Học viện) | 45 |
| 13 | QT\_068\_CSVC\_BM02 | Biểu mẫu Tờ trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (gói thầu thuộc kinh phí khoán, dự án cấp Học viện) | 42 |
| 14 | QT\_069\_CSVC\_BM01 | Biểu mẫu Biên bản xác nhận công việc hoàn thành | 44 |

QT\_061\_CSVC\_BM01.

|  |  |
| --- | --- |
| HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  **BAN QUẢN LÝ CƠ SỞ VẬT CHẤT & ĐẦU TƯ**  **TỔ ĐIỆN NƯỚC**  ­ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày…… tháng…*.. *năm 2016* |

**GIẤY GIAO VIỆC**

Thực hiện chủ trương của Đảng ủy, Ban Giám đốc học viện, Ban QLCSVC&ĐT, tổ Điện nước yêu cầu các đồng chí:…………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………..

**Tổ chức thực hiện công việc**:……………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………....………………………………………………………………………………………………

**Vật liệu xuất kho**:…………………………………………………………………………...

………………………………………………………………………………………………...……………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………....………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Vật liệu đã làm**:……………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐƠN VỊ SỬ DỤNG**  ***(Ký và ghi rõ họ tên)*** | **NGƯỜI THỰC HIỆN** | **TỔ ĐIỆN NƯỚC** |

QT\_061\_CSVC\_BM02.

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN HOÀN THÀNH  
 SỬA CHỮA THIẾT BỊ**

Ngày …….. tháng…… năm 20….

**I. THÀNH PHẦN**

Đơn vị quản lý sử dụng thiết bị: ………………………………..…………………………

Tên Cán bộ:…………………………………

Ban Quản lý cơ sở vật chất và Đầu tư

Tên cán bộ: ………………………………… Chức vụ:…..……………………………….

**II. NỘI DUNG**

Cùng thống nhất những nội dung sửa chữa như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung yêu cầu** | **SL** | **Tình trạng trước khi sửa** | **Tình trạng trước khi sửa** | **Ngày hoàn thành** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cán bộ quản lý thiết bị** | **Đơn vị sửa chữa (nếu có)** | **Ban QLCSVC&ĐT** |

QT\_066\_CSVC\_BM01.

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  **HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG  
LỰA CHỌN ĐƠN VỊ CUNG CẤP**

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ...... Chúng tôi gồm :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Ông (bà): .................................. | Phó Giám đốc Học viện hoặc Giám đốc Học viện | Chủ tịch hội đồng |
| 2 | Ông (bà): .................................. | Lãnh đạo đơn vị sử dụng | Ủy viên hội đồng |
| 3 | Ông (bà): .................................. | Trợ lý vật tư đơn vị | Ủy viên hội đồng |
| 4 | Ông (bà): .................................. | Chủ nhiệm đề tài, dự án | Tư vấn hội đồng |

**Nội dung :**

1- Hội đồng nghe trình bày của Ông : *[người lấy báo giá]* về tình hình thu thập thông tin của các nhà cung cấp, về mẫu mã, chất lượng sản phẩm *.....* theo những nội dung cụ thể như sau :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên đơn vị chào hàng | Mẫu sản phẩm  *(Đạt/không đạt)* | Giá chào hàng |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |

**2- Kết luận của Hội đồng**

Sau khi các thành viên cho ý kiến, phân tích tình hình cụ thể của các nhà cung cấp.

Hội đồng quyết định :

- Đồng ý mua hàng hoá của đơn vị . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . theo giấy báo giá số . . . . . . . . . . . . . ngày . . . . tháng . . . . năm 20.. .

- Giao cho *[Đơn vị sử dụng]* phối hợp với Ban Quản lý cơ sở vật chất và Đầu tư, Ban Tài chính kế toán soạn thảo hợp đồng để mua sắm theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Biên bản được lập thành 02 bản.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

CÁC THÀNH VIÊN

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên | Ký |
| Ông (bà): .................................. |  |
| Ông (bà): .................................. |  |
| Ông (bà): .................................. |  |

*(Yêu cầu chủ tịch hội đồng, ủy viên hội đồng phải có chứng chỉ nghiệp vụ đấu thầu)*

QT\_066\_CSVC\_BM02.

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  Số: /QĐ-HVN | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 201..* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự toán mua ...................**

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 45/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 10 năm 2013 quy định về trình tự, thủ tục đầu tư từ nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư; mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên; xử lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (áp dụng với các gói thầu mua sắm thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2015 về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2015 – 2017;

*[Các căn cứ trên có thể thay đổi tùy theo gói thầu cụ thể hoặc theo các văn bản hiện hành]*

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-...ngày ... tháng ... năm 201... của *[ghi tên đơn vị phê duyệt dự án]* về việc phê duyệt dự án ...[*hoặc hợp đồng nghiên cứu khoa học số...giữa Học viện Nông nghiệp Việt Nam và...] (Nếu có)*

Xét đề nghị của Ông (Bà) *[trưởng đơn vị sử dụng hoặc Chủ nhiệm đề tài],*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán mua ................ với các nội dung sau:

1. Chủ đầu tư: Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

2. Địa điểm thực hiện: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

3. Tổng dự toán đầu tư: ...... đ (Bằng chữ: .........).

4. Nguồn vốn đầu tư: ............

5. Thời gian thực hiện : ................

**Điều 2.** *[Đơn vị sử dụng hoặc Chủ nhiệm đề tài]* có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý cơ sở vật chất và Đầu tư, Ban Tài chính và Kế toán triển khai thực hiện thủ tục mua sắm đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư, đấu thầu.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các ông bà Trưởng *[đơn vị sử dụng hoặc Chủ nhiệm đề tài],* Trưởng ban Quản lý cơ sở vật chất và Đầu tư, Trưởng ban Tài chính và Kế toán và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **GIÁM ĐỐC** |

***Nơi nhận:***

- Như điều 4;

- Kho bạc NN Gia Lâm *(hoặc Ngân hàng)*;

- Lưu VT, …(1), A.xx(2).

1. *Lưu đơn vị soạn thảo văn bản;*
2. *A là ký hiệu người đánh máy, xx là số lượng nhân bản phát hành*. *Ví dụ: NTHN(3).*

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HVN ngày / /2015)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên, quy cách hàng hóa** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** (đồng) | **Thành tiền** (đồng) |
| 01 |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** | | |  | |

Bằng chữ:.

QT\_066\_CSVC\_BM03.

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP  VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  **HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Số: /QĐ-HVN *Hà Nội, ngày tháng năm 20..*

# QUYẾT ĐỊNH

## Về việc: Lựa chọn đơn vị cung cấp ………………………………………

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định Số: 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2015 về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2015 – 2017;

Căn cứ *[các văn bản pháp luật khác nếu có];*

Căn cứ Quyết định số ...../.... ngày .../.../2015 về việc phê duyệt *dự toán .....* *[ghi theo Quyết định phê duyệt dự toán]* hoặc Căn cứ vào dự toán được phê duyệt;

*[Các căn cứ trên có thể thay đổi tùy theo gói thầu cụ thể hoặc theo các văn bản hiện hành];*

Căn cứ Biên bản họp hội đồng lựa chọn đơn vị cung cấp của Học viện Nông nghiệp Việt Nam ngày / /20..;

Xét đề nghị của ông (Bà) *[trưởng đơn vị sử dụng hoặc Chủ nhiệm đề tài]*,

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệtlựa chọn đơn vị cung cấp: .................................. với các nội dung sau:

Tên đơn vị lựa chọn: *[ghi tên đơn vị cung cấp]*.

Địa chỉ: ............;

Giá trị lựa chọn: ....... đ (Bằng chữ: ...............).

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

Thời gian thực hiện: Tối đa ......... ngày từ ngày ký hợp đồng

Danh mục hàng hóa: theo phụ lục đính kèm.

Nguồn kinh phí thực hiện: ..................

**Điều 2.** *[Đơn vị sử dụng hoặc Chủ nhiệm đề tài]* có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý cơ sở vật chất và Đầu tư, Ban Tài chính và Kế toán hoàn thiện các thủ tục ký kết hợp đồng và tổ chức giám sát thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.**  Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các ông bà Trưởng *[đơn vị sử dụng hoặc Chủ nhiệm đề tài],* Trưởng ban Quản lý cơ sở vật chất và Đầu tư, Trưởng ban Tài chính và Kế toán và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**GIÁM ĐỐC**

***Nơi nhận:***

- Như điều 4;

- Kho bạc NN Gia Lâm *(hoặc Ngân hàng)*;

- Lưu VT, …(1), A.xx(2).

1. *Lưu đơn vị soạn thảo văn bản;*

*(2) A là ký hiệu người đánh máy, xx là số lượng nhân bản phát hành*. *Ví dụ: NTHN(3).*

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HVN ngày /…/….)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên hàng hóa/ thông số kỹ thuật** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** (đồng) | **Thành tiền** (đồng) |
| **1** |  |  |  |  |  |
| **…** |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |

Bằng chữ:.........................

QT\_067\_CSVC\_BM01.

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  Số: /QĐ-HVN | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 201..* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự toán mua ...................**

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 45/2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 10 năm 2013 quy định về trình tự, thủ tục đầu tư từ nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư; mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên; xử lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (áp dụng với các gói thầu mua sắm thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2015 về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2015 – 2017;

*[Các căn cứ trên có thể thay đổi tùy theo gói thầu cụ thể hoặc theo các văn bản hiện hành]*

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-...ngày ... tháng ... năm 201... của *[ghi tên đơn vị phê duyệt dự án]* về việc phê duyệt dự án ...[*hoặc hợp đồng nghiên cứu khoa học số...giữa Học viện Nông nghiệp Việt Nam và...] (Nếu có)*

Xét đề nghị của Ông (Bà) *[trưởng đơn vị sử dụng hoặc Chủ nhiệm đề tài],*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán mua ................ với các nội dung sau:

1. Chủ đầu tư: Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

2. Địa điểm thực hiện: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

3. Tổng dự toán đầu tư: ...... đ (Bằng chữ: .........).

4. Nguồn vốn đầu tư: ............

5. Thời gian thực hiện : ................

**Điều 2.** *[Đơn vị sử dụng hoặc Chủ nhiệm đề tài]* có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý cơ sở vật chất và Đầu tư, Ban Tài chính và Kế toán triển khai thực hiện thủ tục mua sắm đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư, đấu thầu.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các ông bà Trưởng *[đơn vị sử dụng hoặc Chủ nhiệm đề tài],* Trưởng ban Quản lý cơ sở vật chất và Đầu tư, Trưởng ban Tài chính và Kế toán và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **GIÁM ĐỐC** |

***Nơi nhận:***

- Như điều 4;

- Kho bạc NN Gia Lâm *(hoặc Ngân hàng)*;

- Lưu VT, …(1), A.xx(2).

*(1) Lưu đơn vị soạn thảo văn bản;*

*(2) A là ký hiệu người đánh máy, xx là số lượng nhân bản phát hành*. *Ví dụ: NTHN(3).*

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HVN ngày / /2015)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên, quy cách hàng hóa** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** (đồng) | **Thành tiền** (đồng) |
| 01 |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** | | |  | |

Bằng chữ:.

QT\_067\_CSVC\_BM02.

|  |
| --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  **HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  Mẫu 04 – Quy trình 09  **BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ**  **Tên gói thầu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **Gói thầu số: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **Dự án/dự toán mua sắm: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  **Phát hành ngày: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  *[điền ngày phát hành Bản yêu cầu báo giá cho nhà thầu]*  **Ban hành kèm theo Quyết định: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**  *[Ghi số và ngày Quyết định phê duyệt bản yêu cầu báo giá]*  **BÊN MỜI THẦU**  NĂM 2016 |

**TỪ NGỮ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| Chủ đầu tư/bên mời thầu | Chủ đầu tư đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển, bên mời thầu đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên |
| Dự án | Dự án đầu tư phát triển hoặc dự toán mua sắm thường xuyên |
| Luật đấu thầu | Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 |
| Nghị định 63/CP | Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu |

**Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ**

**Mục 1. Khái quát**

1. Tên chủ đầu tư là: \_\_\_\_\_\_ *[Điền tên đầy đủ của chủ đầu tư]([[1]](#footnote-1)).*

2. Tên bên mời thầu là: \_\_\_\_\_\_ *[Điền tên đầy đủ của bên mời thầu].*

3. Bên mời thầumời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) gói thầu\_\_\_\_\_\_ *[Điền tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt]* thuộc dự án\_\_\_\_\_\_ *[Ghi tên dự án]*. Phạm vi công việc, yêu cầucủa gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.

4. Loại hợp đồng: trọn gói.

**Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu**

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia([[2]](#footnote-2));

7. Là doanh nghiệp cấp nhỏ hoặc siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp([[3]](#footnote-3))*.*

**Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá**

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a hoặc Mẫu 03b Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá ” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

**Mục 4. Thành phần báo giá**

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;

2. Cam kết thực hiện gói thầu xây lắp theo Mẫu số 02 Chương III([[4]](#footnote-4));

3. Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu 03a(1) và Mẫu 03a(2)) hoặc Mẫu số 03b Chương III;

4. Các nội dung cần thiết khác \_\_\_\_\_\_\_\_*[Ghi tên các thành phần cần thiết khác (nếu có)].*

**Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá**

Thời gian có hiệu lực của báo giá là\_\_\_\_\_\_ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu *[Ghi cụ thể số ngày, thông thường tối đa là 20 ngày].*

**Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá**

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: \_\_\_\_\_\_\_\_\_*[Ghi địa chỉ của bên mời thầu, số điện thoại, fax và email tiếp nhận báo giá]* không muộn hơn *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_[Ghi ngày, giờ hết hạn nộp báo giá nhưng phải bảo đảm tối thiểu là 03 ngày làm việc kể từ ngày đầu tiên phát hành bản yêu cầu báo giá]*. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà thầu có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

**Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;

2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

**Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu**

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu theo quy định.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

**Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:\_\_\_\_\_\_\_\_*[Ghi giá trị và biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho phù hợp].*

**Mục 10. Giải quyết kiến nghị**

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

**Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU**

1. **Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa([[5]](#footnote-5))**

**Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa**

Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau trong vòng \_\_\_\_\_ *[Ghi số ngày]* kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục hàng hóa** | **Đặc tính kỹ thuật** | **Bảo hành** | **Số lượng** | **Các yêu cầu khác**  **(nếu có)** |
|  | *[Nêu tên hàng hóa]* | *[Nêu đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất]* | *[Nêu các yêu cầu về bảo hành]* | *[Điền số lượng từng loại hàng hóa cần mua]* | *[Nêu yêu cầu về địa điểm, thời gian giao hàng, đào tạo, chuyển giao công nghệ và các nội dung cần thiết khác..]* |

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng. Trường hợp không thể mô tả chi tiết hàng hóa theo đặc tính kỹ thuật, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ thì được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị báo giá.

**Bảng số 2. Dịch vụ liên quan**

*Bên mời thầu liệt kê danh mục các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu.*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả dịch vụ** | **Khối lượng mời thầu** | **Đơn vị** | **Địa điểm thực hiện** | **Ngày hoàn thành** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

Ghi chú:

Trường hợp gói thầu không có yêu cầu dịch vụ liên quan thì xóa Bảng số 2.

**2. Đối với gói thầu xây lắp([[6]](#footnote-6))**

Nhà thầu phải xây dựng công trình theo đúng bản vẽ thiết kế thi công đính kèm bản yêu cầu báo giá này trong thời gian*\_\_\_\_[Ghi thời gian mà nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc của gói thầu],* đồng thời huy động nhân sự, thiết bị thi công đáp ứng các yêu cầu nêu tại bảng sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Yêu cầu tối thiểu để được đánh giá đáp ứng yêu cầu kỹ thuật** |
| 1 | Nhân sự | *[Căn cứ tính chất gói thầu mà quy định cho phù hợp]* |
| 2 | Thiết bị | *[Căn cứ tính chất gói thầu mà quy định cho phù hợp]* |

Danh mục bản vẽ đính kèm bản yêu cầu báo giá bao gồm: \_\_\_\_\_*[Liệt kê và đính kèm bản vẽ thiết kế thi công được duyệt và các bản vẽ khác có liên quan].*

**Chương III. BIỂU MẪU**

**ĐƠN CHÀO HÀNG**

Ngày: \_\_\_\_\_\_\_\_\_*[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*

Tên gói thầu: \_\_\_\_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]*

Tên dự án: \_\_\_\_\_\_\_ *[Ghi tên dự án]*

Kính gửi: *[Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số \_\_\_\_ *[Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,\_\_\_\_ *[Ghi tên nhà thầu],* cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là \_\_\_\_ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].*

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].*

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU XÂY LẮP**

*(áp dụng đối với gói thầu xây lắp)*

Ngày:\_\_\_ *[Điền ngày, tháng, năm ký cam kết]*

Tên gói thầu: \_\_\_\_\_\_*[Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]*

Tên dự án: \_\_\_\_\_\_*[Ghi tên dự án]*

Kính gửi: *[Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá, văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số \_\_\_\_ *[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* và thiết kế bản vẽ thi công đính kèmdo *\_\_\_\_\_\_\_\_[Ghi tên bên mời thầu]* phát hành, chúng tôi,\_\_\_\_ *[Ghi tên nhà thầu]* cam kết đã nghiên cứu kỹ các thông tin và sẽ thực hiện gói thầu \_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt cũng như tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành và bảo đảm thực hiện các yêu cầu khác theo đúng quy định của bản yêu cầu báo giá.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin nêu tại bản cam kết này.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO**

*(áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Giá chào** |
| 1 | Hàng hoá | (M) |
| 2 | Dịch vụ liên quan | (I) |
| **Tổng cộng giá chào**  *(Kết chuyển sang đơn chào hàng)* | | **(M) + (I)** |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Mẫu số 03a(1)**

**BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| **STT** | **Danh mục hàng hóa** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng mời thầu** | **Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm** | **Đơn giá** | **Thành tiền**  (Cột 4x6) |
| *1* | *Hàng hoá thứ 1* |  |  |  |  | *M1* |
| *2* | *Hàng hoá thứ 2* |  |  |  |  | *M2* |
|  | *….* |  |  |  |  |  |
| *n* | *Hàng hoá thứ n* |  |  |  |  | *Mn* |
| **Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí,**  **lệ phí (nếu có)**  *(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)* | | | | | | **M=M1+M2+…+Mn** |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) Bên mời thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (5), (6), (7) do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 03a(2). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

**Mẫu số 03a(2)**

**BẢNG GIÁ CHÀO CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **STT** | **Mô tả dịch vụ** | **Khối lượng mời thầu** | **Đơn vị tính** | **Địa điểm thực hiện dịch vụ** | **Ngày hoàn thành dịch vụ** | **Đơn giá** | **Thành tiền**  (Cột 3x7) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng giá chào cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)**  *(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)* | | | | | | | **(I)** |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) Bên mời thầu ghi phù hợp với Biểu dịch vụ liên quan quy định tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói thầu.

Các cột (7) và cột (8) do nhà thầu chào.

Mẫu số 03b

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

*(áp dụng đối với gói thầu xây lắp)*

Bên mời thầu đưa ra danh sách các hạng mục công việc của gói thầu trong cột “Mô tả công việc mời thầu” cùng với đơn vị đo lường và khối lượng mời thầu tương ứng, phù hợp với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đính kèm bản yêu cầu báo giá này. Mỗi hạng mục sẽ được mô tả chi tiết theo bảng sau để nhà thầu điền giá chào cho từng hạng mục.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** |
| **STT** | **Mô tả công việc mời thầu** | **Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng mời thầu** | **Đơn giá** | **Thành tiền**  (Cột 5x6) |
| ***I*** | ***Hạng mục 1:*** | | | | | ***A*** |
| *1* |  |  |  |  |  |  |
| *2* |  |  |  |  |  |  |
| ***II*** | ***Hạng mục 2: …*** | | | | | ***B*** |
| *…* |  |  |  |  |  |  |
| *….* |  |  |  |  |  |  |
| **Giá chào (A + B + …)**  (Kết chuyển sang đơn chào hàng, trang số ….) | | | | | |  |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

Cột (2) (3) (4) (5) do bên mời thầu ghi cho phù hợp với gói thầu. Cột (6) và (7) do nhà thầu chào.

**Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_\_*[Ghi tên dự án]*

- Căn cứ([[7]](#footnote-7)) \_\_\_ *[Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];*

- Căn cứ(2) \_\_\_\_ *[Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];*

- Căn cứ(2) \_\_\_\_ *[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];*

- Căn cứ\_\_\_*[căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];*

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_ ngày \_\_\_tháng \_\_\_năm \_\_của \_\_\_về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu\_\_\_\_ *[Ghi tên gói thầu]* của*\_\_\_[Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]* và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số\_\_\_ngày\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Chủ đầu tư/bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)**

Tên chủ đầu tư/bên mời thầu *[Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]:*

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ *(trường hợp được ủy quyền).*

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu *[Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:*

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ *(trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo. ([[8]](#footnote-8))

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);

2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);

5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu có);

6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

**Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

**Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng([[9]](#footnote-9)).

**Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].*

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, thư tín dụng, hoặc chuyển khoản...].*

b) Thời hạn thanh toán *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật].*

c) Số lần thanh toán  *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng].*

**Điều 6. Loại hợp đồng:** trọn gói

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng**

Thời gian thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với nội dung nêu trong bản yêu cầu báo giá và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].*

**Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng**

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

*[Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu]*

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

**Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu].*

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *[Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam].*

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_ % giá hợp đồng *[Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng từ 2%-3% giá hợp đồng]*.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ *[Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này]*.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: \_\_\_\_\_\_ *[Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu]*.

**Điều 10. Chấm dứt hợp đồng**

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

***[Áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa từ Điều 11 đến Điều 14]***

**Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa**

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

**Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa**

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong bản yêu cầu báo giá, cụ thể là: \_\_*[Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể về việc giao hàng và các tài liệu, chứng từ kèm theo]*.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: \_\_\_ *[Nêu yêu cầu về vận chuyển hàng hóa, bao gồm cả địa điểm, thời gian giao hàng căn cứ yêu cầu và tính chất của gói thầu].*

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm:\_\_\_\_ *[Ghi thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm...cũng như quy định về cách thức xử lý đối với các hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm]*. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

**Điều 13. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa**

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: \_\_\_\_\_ *[Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật]*.

**Điều 14. Bảo hành**

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: \_\_\_\_\_ *[Nêu yêu cầu về bảo hành (nếu có) như sau: thời hạn bảo hành, phiếu bảo hành kèm theo, cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành...]*.

***[Áp dụng đối với gói thầu xây lắp từ Điều 11 đến Điều 14]***

**Điều 11. Tư vấn giám sát**

Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.

Trường hợp chủ đầu tư thay đổi tư vấn giám sát, chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu

**Điều 12. Vật tư, máy móc, thiết bị**

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho công trình đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

**Điều 13. Bảo hành, sửa chữa, khắc phục sai sót**

Nhà thầu bảo đảm thực hiện chế độ bảo hành đối với công trình như đã nêu trong HSĐX.

Kể từ ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc thời hạn bảo hành công trình, chủ đầu tư sẽ thông báo cho nhà thầu về các sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các sai sót được sửa chữa xong.

Mỗi lần có thông báo về sai sót trong công trình, nhà thầu phải tiến hành sửa chữa sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà chủ đầu tư đã thông báo.

Nếu nhà thầu không sửa chữa sai sót trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định tại thông báo sai sót trong công trình thì chủ đầu tư được thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà thầu sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

**Điều 14. Nghiệm thu, hoàn công**

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu ký xác nhận.

**Điều 15. Giải quyết tranh chấp**

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: \_\_\_\_\_ *[Ghi cụ thể thời gian]* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: \_\_\_\_\_ *[Ghi cơ chế xử lý tranh chấp]*.

**Điều 16. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_\_ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành \_\_\_\_ bộ, chủ đầu tư/bên mời thầu giữ \_\_\_\_ bộ, nhà thầu giữ \_\_\_\_ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**  **NHÀ THẦU**  *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA**  **CHỦ ĐẦU TƯ/BÊN MỜI THẦU**  *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

**PHỤ LỤC**

**BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày\_\_\_\_tháng\_\_\_\_\_năm\_\_\_\_\_\_)

*[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu số 03a(1), Mẫu số 03a(2)) hoặc Mẫu số 03b trong bản yêu cầu báo giá này].*

**MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG(1)**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_\_\_\_\_*[Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu]*

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của \_\_\_\_*[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_*[Ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);(2)

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá *(hoặc hợp đồng)*, nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_*[Ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_*[Ghi địa chỉ của ngân hàng*(3)*]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_*[Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_*[Ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày\_\_\_tháng\_\_\_năm \_\_\_\_(4).

|  |
| --- |
| **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_ *[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_*[Ghi tên gói thầu]* đã ký hợp đồng số\_\_*[Ghi số hợp đồng]* ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

QT\_067\_CSVC\_BM03.

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**  Số: /QĐ-HVN | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 201..* |

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm *[nếu thuộc dự án, đề tài thì ghi tên dự án, đề tài theo quyết định được phê duyệt]* năm 20.. của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

**GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 45 /2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 10 năm 2013 quy định về trình tự, thủ tục đầu tư từ nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư; mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên; xử lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (áp dụng với các gói thầu mua sắm thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2015 về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2015 – 2017;

*[Các căn cứ trên có thể thay đổi tùy theo gói thầu cụ thể hoặc theo các văn bản hiện hành]*

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-...ngày ... tháng ... năm 201... của *[ghi tên đơn vị phê duyệt dự án]* về việc phê duyệt dự án ...[*hoặc hợp đồng nghiên cứu khoa học số...giữa Học viện Nông nghiệp Việt Nam và...] (Nếu có)*

Căn cứ danh mục và dự toán năm 201.. đã được Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam phê duyệt (hoặc Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-...ngày ... tháng ... năm 201.. của *[ghi tên Cơ quan phê duyệt danh mục và dự toán]* về việc phê duyệt *[ghi theo Quyết định phê duyệt dự toán..])*;

Xét đề nghị của Ông (Bà) *[trưởng đơn vị sử dụng hoặc Chủ nhiệm đề tài],*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm *[nếu thuộc dự án, đề tài thì ghi tên của đề tài, dự án hoặc dự toán theo Quyết định đã phê duyệt]* năm 20... của Học viện Nông nghiệp Việt Nam với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm. *[Trường hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu chỉ có 01 gói thầu thì có thể ghi trực tiếp gói thầu bao gồm các nội dung tại Phụ lục đính kèm mẫu này trong Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu]*

**Điều 2.** *[Đơn vị sử dụng hoặc Chủ nhiệm đề tài]* có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý cơ sở vật chất và Đầu tư, Ban Tài chính và Kế toán tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các ông bà Trưởng *[đơn vị sử dụng hoặc Chủ nhiệm đề tài],* Trưởng ban Quản lý cơ sở vật chất và Đầu tư, Trưởng ban Tài chính và Kế toán và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **GIÁM ĐỐC** |

***Nơi nhận:***

- Như điều 4;

- Kho bạc NN Gia Lâm *(hoặc Ngân hàng)*;

- Lưu VT, …(1), A.xx(2).

*(1) Lưu đơn vị soạn thảo văn bản;*

*(2) A là ký hiệu người đánh máy, xx là số lượng nhân bản phát hành*. *Ví dụ: NTHN(3).*

*(Ghi chú: Quyết định phê duyệt Kế hoạch đấu thầu của Giám đốc Học viện cho các gói thầu thuộc đề tài, dự án KHCN chỉ được thực hiện khi có ủy quyền của đơn vị chủ quản cấp trên, hoặc các gói mua sắm có giá trị dưới 100 triệu)*

**Phụ lục**

**KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

**Các gói thầu mua sắm *[nếu thuộc đề tài, dự án thì ghi tên của đề tài, dự án hoặc dự toán theo Quyết định phê duyệt]* năm 20.. của Học viện Nông nghiệp Việt Nam**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HVN ngày … tháng … năm …)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên gói thầu** | **Giá gói thầu**  (đồng) | **Nguồn vốn** | **Hình thức lựa chọn nhà thầu** | **Phương thức lựa chọn nhà thầu** | **Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu** | **Loại hợp đồng** | **Thời gian thực hiện hợp đồng** |
| 1 |  |  |  | *Chỉ định thầu, Chào hàng cạnh tranh rút gọn, chào hàng cạnh tranh (chỉ chọn một hình thức)* | *Một túi hồ sơ* |  | *Trọn gói* |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |
| n |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng giá trị các gói thầu** | |  |  |  |  |  |  |  |

QT\_067\_CSVC\_BM04.

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN HÔNG THÔN  **HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ BÁO GIÁ**

Gói thầu: ..................

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ...... Chúng tôi gồm : *Cùng ngày với ngày mở báo giá*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Ông (bà): .................................. | Phó Giám đốc Học viện hoặc Giám đốc Học viện | Chủ tịch hội đồng |
| 2 | Ông (bà): .................................. | Trưởng Ban QLCSVC&ĐT *(hoặc Phó trưởng Ban QLCSVC&ĐT)* | Ủy viên hội đồng |
| 3 | Ông (bà): .................................. | Trưởng ban Tài chính kế toán *(hoặc Phó trưởng ban Tài chính kế toán)* | Ủy viên hội đồng |
| 4 | Ông (bà): .................................. | Lãnh đạo đơn vị sử dụng | Ủy viên hội đồng |
| 5 | Ông (bà): .................................. | Trợ lý vật tư đơn vị sử dụng | Ủy viên hội đồng |
| 6 | Ông (bà): .................................. | chủ nhiệm đề tài, dự án | Tư vấn hội đồng |

**Nội dung**

## 1- Hội đồng nghe trình bày của Ông (bà): .........[tên người tiếp nhận báo giá].......... về các thông tin trong báo giá của các nhà cung cấp, về mẫu mã, chất lượng hàng hóa trên cơ sở so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Sau khi các thành viên cho ý kiến và phân tích tình hình cụ thể của các nhà cung cấp, Hội đồng đã nhất trí đánh giá và xếp hạng các báo giá theo những nội dung cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | *(Ghi tên nhà thầu 1)* | *(Ghi tên nhà thầu 2)* | *(Ghi tên nhà thầu 3)* |
| 1 | Năng lực, kinh nghiệm nhà thầu | Đạt | Đạt | Đạt |
| 2 | Thông số kỹ thuật của hàng hóa | Đạt | Đạt | Đạt |
| 3 | Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch | ….. đ | ….. đ | ….. đ |
|  | Xếp hạng | Thứ ... | Thứ ... | Thứ ... |

### 2 - Kết luận của Hội đồng

Căn cứ vào các nội dung đánh giá trên, Hội đồng nhất trí sẽ báo cáo với Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam phê duyệt *........(tên nhà thầu)..................* là đơn vị trúng thầu gói thầu ...............

Biên bản được lập thành 02 bản.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

CÁC THÀNH VIÊN

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên | Ký |
| ...................................... |  |
| ...................................... |  |
| ...................................... |  |
| ...................................... |  |
| ...................................... |  |

*(Yêu cầu chủ tịch hội đồng, ủy viên hội đồng phải có chứng chỉ nghiệp vụ đấu thầu)*

QT\_067\_CSVC\_BM05.

Cùng ngày hoặc sau biên bản đánh giá báo giá nhưng không quá 10 kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP  VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  **HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Số: /QĐ-HVN *Hà Nội, ngày tháng năm 20..*

# QUYẾT ĐỊNH

## Về việc: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu………………………………………

### GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định Số: 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 45 /2013/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 10 năm 2013 quy định về trình tự, thủ tục đầu tư từ nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư; mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên; xử lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (áp dụng với các gói thầu mua sắm thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2015 về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2015 – 2017;

Căn cứ Quyết định số ...../.... ngày .../.../2015 về việc phê duyệt *kế hoạch* *đấu thầu hoặc kế hoạch lựa chọn nhà thầu* *[ghi theo Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu hoặc kế hoạch lựa chọn nhà thầu];*

*[Các căn cứ trên có thể thay đổi tùy theo gói thầu cụ thể hoặc theo các văn bản hiện hành];*

Căn cứ Biên bản đánh giá báo giá của Học viện Nông nghiệp Việt Nam ngày / /20..;

Xét đề nghị của ông (Bà) *[trưởng đơn vị sử dụng hoặc Chủ nhiệm đề tài]*,

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu ................ với các nội dung sau:

Tên nhà thầu trúng thầu: ............;

Địa chỉ : ............

Giá trị trúng thầu: ....... đ (Bằng chữ: ...............).

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

Thời gian thực hiện: Tối đa ......... ngày từ ngày ký hợp đồng

Danh mục hàng hóa: theo phụ lục đính kèm.

Nguồn kinh phí thực hiện: ..................

**Điều 2.** *[Đơn vị sử dụng hoặc Chủ nhiệm đề tài]* có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý cơ sở vật chất và Đầu tư, Ban Tài chính và Kế toán hoàn thiện các thủ tục ký kết hợp đồng và tổ chức giám sát thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

**Điều 3.**  Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các ông bà Trưởng *[đơn vị sử dụng hoặc Chủ nhiệm đề tài],* Trưởng ban Quản lý cơ sở vật chất và Đầu tư, Trưởng ban Tài chính và Kế toán và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**GIÁM ĐỐC**

***Nơi nhận:***

- Như điều 4;

- Kho bạc NN Gia Lâm *(hoặc Ngân hàng)*;

- Lưu VT, …(1), A.xx(2).

*(1) Lưu đơn vị soạn thảo văn bản;*

*(2) A là ký hiệu người đánh máy, xx là số lượng nhân bản phát hành*. *Ví dụ: NTHN(3).*

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HVN ngày /…/….)

1. Gói thầu: ...............................................

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên hàng hóa/ thông số kỹ thuật** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** (đồng) | **Thành tiền** (đồng) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| n |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |

Bằng chữ:.........................

2. Gói thầu: ...............................................

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên hàng hóa/ thông số kỹ thuật** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá** (đồng) | **Thành tiền** (đồng) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| n |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |

Bằng chữ:.........................

QT\_067\_CSVC\_BM06.

(Áp dụng cho kinh phí khoán, dự án cấp Học viện)

|  |  |
| --- | --- |
| HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  **[TÊN ĐƠN VỊ]**  Số: /TTr- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *......, ngày ......... tháng ....... năm ......* |

**TỜ TRÌNH**

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

**Dự án: ……[Ghi tên dự án hoặc dự toán]**

**…………………….**

Kính gửi: *[Ghi tên đơn vị có thầm quyền]*

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

*[Các căn cứ trên có thể thay đổi tùy theo gói thầu cụ thể hoặc theo các văn bản hiện hành]*

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-...ngày ... tháng ... năm 201... của *[ghi tên đơn vị phê duyệt dự án]* về việc phê duyệt dự án ...[*hoặc hợp đồng nghiên cứu khoa học số...giữa Học viện Nông nghiệp Việt Nam và...] (Nếu có)*

Căn cứ danh mục và dự toán năm 201.. đã được Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam phê duyệt (hoặc Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-...ngày ... tháng ... năm 201.. của *[ghi tên Cơ quan phê duyệt danh mục và dự toán]* về việc phê duyệt *[ghi theo Quyết định phê duyệt dự toán..])*;

*[Ghi tên đơn vị]* trình *[Ghi tên đơn vị có thầm quyền]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây.

**I. MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN**

**1. Mô tả tóm tắt đề tài**

- Tên đề tài:………………….;

- Tổng vốn đầu tư: ………………….;

- Đơn vị chủ trì thực hiện đề tài: Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

- Chủ nhiệm đề tài: ……………..;

- Nguồn vốn: ………………….;

- Địa điểm đầu tư: ………………….;

- Kinh phí năm 20…. được phê duyệt: ................. đồng (Bằng chữ.....................)

**II. PHẦN CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu bao gồm việc xác định số lượng các gói thầu và nội dung của từng gói thầu. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập thành biểu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên gói thầu** | **Giá gói thầu** | **Nguồn vốn** | **Hình thức lựa chọn nhà thầu** | **Phương thức lựa chọn nhà thầu** | **Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu** | **Loại**  **hợp đồng** | **Thời gian**  **thực hiện**  **hợp đồng** |
| 1 |  |  |  | Chào hàng cạnh tranh | Một túi hồ sơ | *[Ghi tháng hoặc Quý …]* |  | *[Ghi số ngày]* |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng giá gói thầu** | |  |  |  |  |  |  |  |

**III. KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, *[Ghi tên đơn vị]* đề nghị *[Ghi tên đơn vị phê duyệt]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu *[Ghi tên gói thầu hoặc tên đề tài].*

Kính trình *[Ghi tên đơn vị phê duyệt]* xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  -.............;  - Lưu VT. | **[ĐẠI DIỆN CỦA ĐƠN VỊ TRÌNH]**  (Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu) |

QT\_068\_CSVC\_BM01.

(Áp dụng cho kinh phí đề tài, dự án ngoài Học viện)

|  |  |
| --- | --- |
| **[TÊN CƠ QUAN**  **CHỦ ĐẦU TƯ]**  Số: /TTr-HVN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *\_\_\_, ngày\_\_\_tháng\_\_năm\_\_\_* |

**TỜ TRÌNH**

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

**dự án:***\_\_\_[ghi tên dự án]*

Kính gửi:\_\_\_*[ghi tên người có thẩm quyền]*

Căn cứ\_\_\_ *[Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013];*

Căn cứ\_\_\_*[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];*

Căn cứ \_\_*[ghi số, thời gian phê duyệt và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:*

*- Quyết định phê duyệt dự án hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các tài liệu có liên quan;*

*- Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán (nếu có);*

*- Quyết định phân bổ vốn, giao vốn cho dự án;*

*- Điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi;*

*- Các văn bản pháp lý liên quan].*

*[Ghi tên chủ đầu tư]* trình *[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

**I. Mô tả tóm tắt dự án**

*Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:*

- Tên dự án;

- Tổng mức đầu tư;

- Tên chủ đầu tư;

- Nguồn vốn;

- Thời gian thực hiện dự án;

- Địa điểm, quy mô dự án;

- Các thông tin khác (nếu có).

**II. Phần công việc đã thực hiện**

**Bảng số 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc hoặc tên gói thầu(1)** | **Đơn vị thực hiện(2)** | **Giá trị(3)** | **Văn bản phê duyệt(4)** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| **Tổng giá trị** *[kết chuyển sang* ***Bảng số 5****]* | | |  |  |

Ghi chú:

*(1) Ghi tóm tắt nội dung công việc hoặc tên các gói thầu đã thực hiện.*

*(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện.*

*(3) Ghi giá trị của phần công việc, ghi cụ thể đồng tiền.*

*(4) Ghi tên văn bản phê duyệt (Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Quyết định giao việc,…).*

**III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu**

**Bảng số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc(1)** | **Đơn vị thực hiện(2)** | **Giá trị(3)** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |
| **Tổng giá trị thực hiện** *[kết chuyển sang* ***Bảng số 5****]* | | |  |

Ghi chú:

*(1) Mô tả tóm tắt nội dung công việc và không bao gồm phần công việc đã kê tại Bảng 1.*

*(2) Ghi cụ thể tên đơn vị thực hiện (nếu có).*

*(3) Ghi giá trị của phần công việc; ghi cụ thể đồng tiền.*

**IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

**1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**

*[Chủ đầu tư điền các nội dung cụ thể của gói thầu trong* ***Bảng số 3*** *theo hướng dẫn quy định tại Điều 5 Thông tư này].*

**Bảng số 3**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên gói thầu** | **Giá gói thầu** | **Nguồn vốn** | **Hình thức lựa chọn nhà thầu** | **Phương thức lựa chọn nhà thầu** | **Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu** | **Loại hợp đồng** | **Thời gian thực hiện hợp đồng** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **….** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng giá gói thầu** *[kết chuyển sang* ***Bảng số 5****]* | |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**

*Trong Mục này cần giải trình các nội dung tại* ***Bảng số 3****, cụ thể như sau:*

a) Cơ sở phân chia các gói thầu:\_\_\_*[giải trình cơ sở phân chia dự án thành các gói thầu. Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:*

*+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và công nghệ;*

*+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;*

*+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);*

*Việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu].*

b) Giá gói thầu*;*

c) Nguồn vốn*;*

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu;

đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu;

e) Loại hợp đồng;

g) Thời gian thực hiện hợp đồng*.*

**V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có)**

**Bảng số 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Giá trị** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |
| ... |  |  |
| n |  |  |
| **Tổng giá trị các phần công việc** *[kết chuyển sang* ***Bảng số 5****]* | |  |

**VI. Tổng giá trị các phần công việc**

**Bảng số 5**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Giá trị** |
| 1 | Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện |  |
| 2 | Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu |  |
| 3 | Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu |  |
| 4 | Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có) |  |
| **Tổng giá trị các phần công việc** | |  |
| **Tổng mức đầu tư của dự án** | | *[ghi tổng mức đầu tư của dự án]* |

**VII. Kiến nghị**

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, *[ghi tên chủ đầu tư]* đề nghị\_\_\_*[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án:\_\_\_*[ghi tên dự án].*

Kính trình *[ghi tên người có thẩm quyền]* xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Tổ chức thẩm định;  - Lưu VT. | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**  *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

QT\_068\_CSVC\_BM02.

(Áp dụng cho kinh phí khoán, dự án cấp Học viện)

|  |  |
| --- | --- |
| HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  **[TÊN ĐƠN VỊ]**  Số: /TTr- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *......, ngày ......... tháng ....... năm ......* |

**TỜ TRÌNH**

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

**Dự án: ……[Ghi tên dự án hoặc dự toán]**

**…………………….**

Kính gửi: *[Ghi tên đơn vị có thầm quyền]*

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13ngày 26/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

*[Các căn cứ trên có thể thay đổi tùy theo gói thầu cụ thể hoặc theo các văn bản hiện hành]*

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-...ngày ... tháng ... năm 201... của *[ghi tên đơn vị phê duyệt dự án]* về việc phê duyệt dự án ...[*hoặc hợp đồng nghiên cứu khoa học số...giữa Học viện Nông nghiệp Việt Nam và...] (Nếu có)*

Căn cứ danh mục và dự toán năm 201.. đã được Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam phê duyệt (hoặc Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-...ngày ... tháng ... năm 201.. của *[ghi tên Cơ quan phê duyệt danh mục và dự toán]* về việc phê duyệt *[ghi theo Quyết định phê duyệt dự toán..])*;

*[Ghi tên đơn vị]* trình *[Ghi tên đơn vị có thầm quyền]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây.

**I. MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN**

**1. Mô tả tóm tắt đề tài**

- Tên đề tài:………………….;

- Tổng vốn đầu tư: ………………….;

- Đơn vị chủ trì thực hiện đề tài: Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

- Chủ nhiệm đề tài: ……………..;

- Nguồn vốn: ………………….;

- Địa điểm đầu tư: ………………….;

- Kinh phí năm 20…. được phê duyệt: ................. đồng (Bằng chữ.....................)

**II. PHẦN CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu bao gồm việc xác định số lượng các gói thầu và nội dung của từng gói thầu. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập thành biểu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên gói thầu** | **Giá gói thầu** | **Nguồn vốn** | **Hình thức lựa chọn nhà thầu** | **Phương thức lựa chọn nhà thầu** | **Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu** | **Loại**  **hợp đồng** | **Thời gian**  **thực hiện**  **hợp đồng** |
| 1 |  |  |  | Chào hàng cạnh tranh | Một túi hồ sơ | *[Ghi tháng hoặc Quý …]* |  | *[Ghi số ngày]* |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng giá gói thầu** | |  |  |  |  |  |  |  |

**III. KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, *[Ghi tên đơn vị]* đề nghị *[Ghi tên đơn vị phê duyệt]* xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu *[Ghi tên gói thầu hoặc tên đề tài].*

Kính trình *[Ghi tên đơn vị phê duyệt]* xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  -.............;  - Lưu VT. | **[ĐẠI DIỆN CỦA ĐƠN VỊ TRÌNH]**  (Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu) |

QT\_069\_CSVC\_BM01.

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN HOÀN THÀNH  
 SỬA CHỮA THIẾT BỊ**

Ngày …….. tháng…… năm 20….

**I. THÀNH PHẦN**

Đơn vị quản lý sử dụng thiết bị: ………………………………..…………………………

Tên Cán bộ:…………………………………

Ban Quản lý cơ sở vật chất và Đầu tư

Tên cán bộ: ………………………………… Chức vụ:…..……………………………….

**II. NỘI DUNG**

Cùng thống nhất những nội dung sửa chữa như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung yêu cầu** | **SL** | **Tình trạng trước khi sửa** | **Tình trạng trước khi sửa** | **Ngày hoàn thành** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cán bộ quản lý thiết bị** | **Đơn vị sửa chữa (nếu có)** | **Ban QLCSVC&ĐT** |

**PHỤ LỤC TỜ TRÌNH**

(Kèm theo Tờ trình số\_\_\_ ngày\_\_tháng\_\_năm\_\_)

**BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO VĂN BẢN TRÌNH DUYỆT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Ghi chú** |
| *1* | *Quyết định số\_\_của\_\_về việc phê duyệt dự án\_\_* | *Bản chụp* |
| *2* | *Quyết định số\_\_của\_\_về việc phê duyệt dự toán\_\_\_* | *Bản chụp* |
|  | *Các văn bản phê duyệt tại* ***Bảng số 1*** | *Bản chụp* |
| … |  |  |
| *n* |  |  |

1. (1) Chỉ quy định nội dung nàyđối với gói thầu thuộc dự án đầu tư phát triển. [↑](#footnote-ref-1)
2. (2) Chỉ quy định nội dung này đối với các bản yêu cầu báo giá phát hành sau ngày 01/7/2016 [↑](#footnote-ref-2)
3. (3) Chỉ quy định nội dung này đối với gói thầu xây lắp. [↑](#footnote-ref-3)
4. (1) Chỉ quy định nội dung này đối với gói thầu xây lắp. [↑](#footnote-ref-4)
5. Xóa bỏ Mục 1 đối với gói thầu xây lắp. [↑](#footnote-ref-5)
6. 2 Xóa bỏ Mục 2 đối với gói thầu mua sắm hàng hóa. [↑](#footnote-ref-6)
7. 2 Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành. [↑](#footnote-ref-7)
8. Đối với gói thầu xây lắp thì thay bằng " Bên A giao cho Bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng bản vẽ thiết kế thi công kèm theo ". [↑](#footnote-ref-8)
9. Đối với gói thầu xây lắp thì thay thế như sau: Bên B cam kết tiến hành công việc xây lắp theo đúng bản vẽ thiết kế thi công nêu trong bản yêu cầu báo giá, tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng trong và sau quá trình thi công đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng. [↑](#footnote-ref-9)